

Bản án số: 72/2024/DS-PT

Ngày: 27 - 3 - 2024

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Liêm

Các Thẩm phán: Ông Phùng Anh Dũng

Ông Phạm Ngọc Thái

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Ngọc Gia Linh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 282/2023/TLPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2023/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 388/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1953 và bà Trần Thị L, sinh năm 1960; địa chỉ: thôn T, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; đều có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Lê Đình B, sinh năm 1957 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1960; địa chỉ: thôn T, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; đều có mặt.

- **Người kháng cáo:** bị đơn ông Lê Đình B và bà Phạm Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc M và bà Trần Thị L trình bày:

Vào năm 1995, vợ chồng ông M, bà L có khai hoang thửa đất để trồng quế và cây keo. Đến năm 1996, vợ chồng ông được UBND huyện H (nay là

huyện Đ) giao phần đất lâm nghiệp mà vợ chồng ông khai hoang theo Quyết định số 82/QĐ-UB với tổng diện tích 1,8ha đất trống đồi trọc cho hộ gia đình ông.

Đến năm 2001, vợ chồng ông M, bà L được UBND huyện H cấp Giấy CNQSD rừng và đất rừng số 197/QSDĐ với diện tích 19.100m² tại tờ bản đồ số 3, thửa số N69/117 thôn T (thôn T cũ), thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, mục đích sử dụng là đất rừng, thời hạn sử dụng đến năm 2050. Gia đình ông trồng cây quế ở nửa phần dưới, còn phần trên đỉnh trồng keo lá tràm.

Đến năm 2007, ông Lê Đình B lấn đất của bà Phạm Thị H1 và lấn sang phần đất của gia đình ông khoảng trên 800m² tại thôn T, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Có tứ cận: Phía Đông và phía Nam giáp đất bà H1; phía Tây giáp đất ông; phía Bắc giáp đất ông A Ting Tùng V (thôn G, *phần đất này ông B cũng đang trồng cây*). Giá trị đất theo giá thị trường khoảng 40.000.000 đồng.

Sau khi xảy ra sự việc, gia đình ông đã khiếu nại đến thôn T (nay là thôn T) nhưng không thành và ông M tiếp tục gửi đơn lên UBND thị trấn P, UBND thị trấn đã hòa giải 2 lần nhưng không thành.

Sau đó, gia đình ông lại làm đơn khởi kiện gửi lên Tòa án nhân dân huyện Đông Giang đề giải quyết. Tuy nhiên, ông Lê Đình B và bà Phạm Thị H gửi đơn kiện UBND huyện Đ lên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc yêu cầu hủy Giấy CNQSD đất cho gia đình ông và yêu cầu UBND huyện Đ hủy Quyết định giao đất lâm nghiệp số 82/QĐ-UB và Quyết định cấp Giấy CNQSD đất (trồng rừng) số 197/QSDĐ nên ông rút đơn khởi kiện để chờ kết quả xét xử của Tòa án 02 cấp.

Đến ngày 30/6/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đưa ra xét xử sơ thẩm và bác yêu cầu của ông Lê Đình B và bà Phạm Thị H. Ông Lê Đình B và bà Phạm Thị H tiếp tục kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Đến ngày 06/9/2017, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã mở phiên xử phúc thẩm và bác yêu cầu trên của ông Lê Đình B.

Như vậy, khu đất của gia đình ông được UBND huyện H (*nay là huyện Đ*) cấp là đúng, nhưng ông Lê Đình B không chịu trả đất cho gia đình ông là không đúng. Đã nhiều lần ông yêu cầu vợ chồng ông B, bà H trả lại đất đã lấn chiếm cho gia đình ông, nhưng ông B, bà H vẫn cố tình không trả.

Hiện nay, trên diện tích đất tranh chấp là đất trống. Do đó, vợ chồng ông làm đơn khởi kiện này yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Đình B và bà Phạm Thị H phải trả lại cho gia đình ông diện tích 805,3m² đất rừng tại thôn T, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Lê Đình B và bà Phạm Thị H trình bày:

Vào năm 1979, ông B nhận công tác tại phòng Giao thông vận tải huyện H, đến năm 1982 thì lập gia đình. Năm 1983, vợ chồng ông B, bà H tranh thủ thời gian ngoài giờ hành chính khai hoang vỡ hoá đất đai, để trồng trọt cải thiện

bữa ăn cho gia đình. Năm 1999, ông B cho ông N (hiện đã chết) mượn sử dụng để trồng sắn nuôi heo, sau đó ông N trả đất cho ông B vào năm 2006. Trong đó, có đất mà ông khai hoang trên ngọn đồi, có tên gọi là đồi Giao thông, diện tích khoảng hơn 10.000m². Từ năm 1983 đến năm 2006 ông trồng lúa, bắp, sắn và dứa, đến năm 2007 ông chuyển qua trồng keo. Đến năm 2014, ông khai thác lúa keo đầu tiên, trồng lại lúa keo thứ 2 thì ông Nguyễn Ngọc M tranh chấp. Ông M cho rằng, đất đó ông M được cấp Giấy CNQSD đối với diện tích tranh chấp khoảng 800m². Bị đơn cho rằng, ông M là người lấn đất của bị đơn vì ông M là người làm sau. Trong lô đất ông M sử dụng thì có 3 Giấy CNQSD đất trên 1 lô đất mà diện tích khác nhau. Trong đó có 1 Giấy chứng nhận không có ngày tháng năm. Hiện nay ông M đang sử dụng 10.000m² mà trong sổ nhiều nhất là 19.100m². Vợ chồng ông B, bà H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 37, 39, 157, 164 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 166, 167, 203 của Luật Đất đai; các Điều 11, 164 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc M và bà Trần Thị L về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” với ông Lê Đình B và bà Phạm Thị H.

- Buộc ông Lê Đình B và bà Phạm Thị H phải trả lại phần diện tích 805,3m² đất rừng tại thôn T (thôn T cũ), thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam cho ông Nguyễn Ngọc M và bà Trần Thị L. (*Có sơ đồ, tọa độ kèm theo*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí; chi phí xem xét, thẩm định, đo vẽ và định giá tài sản; quyền, nghĩa vụ thi hành án và thông báo về quyền kháng cáo.

Ngày 06/10/2023, bị đơn ông Lê Đình B và bà Phạm Thị H có đơn kháng cáo với nội dung: Diện tích đất đang tranh chấp do ông B, bà H khai hoang trồng cây chứ không phải đất của ông M nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc M, bà Trần Thị L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc M và bà Trần Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Lê Đình B và bà Phạm Thị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Ông Lê Đình B và bà Phạm Thị H cho rằng, diện tích đất đang tranh chấp do vợ chồng ông B, bà H khai hoang trồng cây chứ không phải đất của ông M nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc M và bà Trần Thị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật,

đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Đình B, bà Phạm Thị H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Xét nguồn gốc đất đang tranh chấp thì thấy: Ngày 06/12/1995, ông Nguyễn Ngọc M có đơn xin nhận đất, nhận rừng gửi UBND thị trấn P và UBND huyện H (nay là huyện Đ) và được UBND thị trấn P xác nhận. Cùng ngày 06/12/1995, Hạt Kiểm lâm và UBND thị trấn Prao lập biên bản giao, nhận đất hoặc rừng nghèo kiệt cho ông Nguyễn Ngọc M với diện tích 1,8ha. Ngày 27/3/1996, UBND huyện H ban hành Quyết định số 82/QĐ-UB về việc giao đất lâm nghiệp cho hộ gia đình ông Nguyễn Ngọc M với diện tích 1,8ha. UBND huyện H đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng và đất rừng cho ông Nguyễn Ngọc M với diện tích 1,8ha. Ngày 01/3/2001, hộ ông Nguyễn Ngọc M đã được UBND huyện Hiên cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất số N69/117 với diện tích 19.100m² tại thôn T, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Bị đơn ông Lê Đình B, bà Phạm Thị H cho rằng, diện tích đất đang tranh chấp vợ chồng ông bà khai hoang từ năm 1983. Ông B, bà H thừa nhận không kê khai đăng ký, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông B đã khởi kiện vụ án hành chính và tại Bản án hành chính phúc thẩm số 139/2017/HC-PT ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng bác yêu cầu khởi kiện của ông B. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/4/2023 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông B thừa nhận trên đất tranh chấp không có tài sản gì. Ông B, bà H cũng đã được cấp đất rừng tại thửa đất khác.

Từ những chứng cứ đã được phân tích trên cho thấy, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Ngọc M và bà Trần Thị L, buộc ông Lê Đình B và bà Phạm Thị H trả lại diện tích 805,3m² đất rừng cho ông Nguyễn Ngọc M và bà Trần Thị L là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Lê Đình B, bà Phạm Thị H không cung cấp chứng cứ nào mới nên không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Đình B, bà Phạm Thị H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lê Đình B, bà Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng xét, ông B, bà H là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông B, bà H.

3. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Đình B, bà Phạm Thị H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 26, 37, 39 157, 164 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 166, 167, 203 Luật Đất đai, các Điều 11, 64 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc M và bà Trần Thị L về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” với ông Lê Đình B và bà Phạm Thị H.

Buộc ông Lê Đình B và bà Phạm Thị H phải trả lại phần diện tích 805,3m² đất rừng tại thôn T (thôn T cũ), thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam cho ông Nguyễn Ngọc M và bà Trần Thị L (có sơ đồ, tọa độ kèm theo bản án sơ thẩm).

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Lê Đình B và bà Phạm Thị H.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần án phí, chi phí xem xét, thẩm định, đo vẽ và định giá tài sản không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm